



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

**Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129**

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Mã lớp học phần: 24211MH110212901 Số tín chỉ: 3**

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường**

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A1.5**

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410040010 | Nguyễn Hoài Ân        | 04/09/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410040052 | Nguyễn Quốc Bình      | 05/02/2004 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410040012 | Trần Tấn Danh         | 19/05/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 4   | 2410040023 | Lê Nhật Duy           | 08/04/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 5   | 2410040026 | Nguyễn Hoàng Duy      | 02/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 6   | 2410040018 | Nguyễn Khánh Duy      | 11/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 7   | 2410040022 | Nguyễn Trí Duy        | 14/08/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 8   | 2410040045 | Nguyễn Tuấn Duy       | 02/06/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 9   | 2210040077 | Bùi Sĩ Đan            | 03/10/2004 |        |       |         |          | C24CK3 | Nợ LP   |
| 10  | 2410040035 | Phan Thanh Giàu       | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 11  | 2410040015 | Bao Thành Giới        | 28/12/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 12  | 2410040037 | Lê Vũ Hào             | 18/12/2005 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 13  | 2410040014 | Phạm Phúc Hậu         | 05/01/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 14  | 2410040054 | Phạm Minh Hiếu        | 16/10/2004 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 15  | 2410040031 | Lê Gia Huy            | 15/03/2005 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 16  | 2410040004 | Nguyễn Khắc Huy       | 01/06/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 17  | 2410040003 | Trần Gia Huy          | 21/6/2006  |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 18  | 2410040017 | Nguyễn Tuấn Khang     | 26/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 19  | 2410040033 | Trần Nguyễn Anh Khoa  | 18/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 20  | 2410040025 | Nguyễn Văn Linh       | 26/10/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 21  | 2410040032 | Hà Khánh Luân         | 04/10/2005 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 22  | 2410040029 | Trần Minh Luân        | 28/02/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 23  | 2410030001 | Nguyễn Trọng Nghĩa    | 11/10/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 24  | 2410040008 | Hồ Nguyễn Thành Nhân  | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 25  | 2410100013 | Nguyễn Hoàng Phát     | 10/02/2005 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 26  | 2410040050 | Nguyễn Huỳnh Long Phi | 17/08/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 27  | 2410040030 | Bùi Thanh Sang        | 12/01/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 28  | 2410040043 | Nguyễn Anh Tài        | 11/04/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 29  | 2410040019 | Đặng Lê Quốc Thịnh    | 18/08/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 30  | 2410040044 | Huỳnh Anh Tú          | 17/06/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |

| STT | Mã SV      | Họ và tên      | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 31  | 2410040039 | Nguyễn Tuấn Vũ | 18/03/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

**Tổng số sinh viên dự thi :** \_\_\_\_\_ **vắng thi:** \_\_\_\_\_. **Số bài thi/Số tờ:** \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

**Số sinh viên đạt:** \_\_\_\_\_ **Tỷ lệ đạt:** \_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**  
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**  
(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kỹ thuật lập trình - MH1101003

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110100301 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Văn Trinh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A1.5

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410010043 | Lương Nguyễn Quốc An  | 19/04/2005 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 2   | 2410010039 | Dương Nguyễn Quốc Anh | 08/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 3   | 2410010035 | Trần Nguyễn Phúc Hậu  | 04/11/1995 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 4   | 2410010010 | Lê Ngọc Hương         | 06/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 5   | 2410010028 | Châu Gia Khang        | 29/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 6   | 2410010046 | Nguyễn Trung Kiên     | 13/09/2004 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 7   | 2410010036 | Nguyễn Thành Lợi      | 27/02/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 8   | 2410010038 | Son Tôn Nguyên        | 04/09/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 9   | 2410010032 | Nguyễn Thanh Sang     | 14/08/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 10  | 2410010030 | Nguyễn Đông Hoàng Thê | 14/8/2006  |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

**Môn học : Mạch điện - MH1102028**

**Mã lớp học phần: 24211MH110202801      Số tín chỉ: 3**

**Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa**

**Ngày thi: 13/05/2025      Giờ thi: 15h15      Phòng thi: A1.5**

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp  | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|-------|---------|----------|---------|---------|
| 1   | 2410030023 | Phan Hứa Trọng Ân | 25/09/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410030014 | Lê Văn Duy        | 03/06/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 3   | 2410030018 | Đỗ Thành Đạt      | 07/08/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 4   | 2410030010 | Nguyễn Duy Đạt    | 05/03/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 5   | 2410030003 | Lâm Vũ Hào        | 26/02/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 6   | 2410030025 | Trần Chí Hào      | 28/07/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 7   | 2410030035 | Chê Hoàng Hiệp    | 13/05/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 8   | 2410030017 | Nguyễn Nhật Huy   | 04/10/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 9   | 2410030045 | Phạm Đức Huy      | 06/09/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 10  | 2410030011 | Diệp Tấn Hùng     | 26/12/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 11  | 2410030031 | Trần Minh Khoa    | 25/04/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 12  | 2410030030 | Châu Tuấn Kiệt    | 30/03/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 13  | 2410030040 | Trần Ngọc Lâm     | 22/06/2005 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 14  | 2410030044 | Lê Trọng Nghĩa    | 14/09/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 15  | 2410030027 | Phạm Trọng Nghĩa  | 07/02/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 16  | 2410030029 | Bùi Thịnh Phát    | 03/02/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 17  | 2410030005 | Nguyễn Tấn Phát   | 19/11/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 18  | 2410030032 | Nguyễn Lê Kha Vỹ  | 16/12/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

**Tổng số sinh viên dự thi :** \_\_\_\_\_ **vắng thi:** \_\_\_\_\_ **Số bài thi/Số tờ:** \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_.

**Số sinh viên đạt:** \_\_\_\_\_ **Tỷ lệ đạt:** \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Mạng máy tính - MH1101006

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110100601 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Quang Ngọc

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                   | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410010034 | Lê Thị Lan <b>Nhi</b>       | 19/08/2006 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410170038 | Cao Trần <b>Phát</b>        | 25/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410170032 | Nguyễn Trần Kỳ <b>Phong</b> | 21/05/2006 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 4   | 2210010007 | Thượng Hồng <b>Thắm</b>     | 08/07/2003 |        |       |         |          | C24TH1 | Nợ LP   |
| 5   | 2410170051 | Nguyễn Hữu Đức <b>Thịnh</b> | 17/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_%

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học quản lý (Access) - MH1101036

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110103601 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310010072 | Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu | 15/09/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 2   | 2310010089 | Trần Minh Hòa           | 05/06/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 3   | 2310010047 | Nguyễn Nhật Nam         | 27/08/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 4   | 2310010078 | Trương Bảo Phúc         | 16/10/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 5   | 2310010031 | Bành Phước Toàn         | 11/02/2004 |        |       |         |          | C25TH1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_%

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110103701 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Dương Minh Tâm

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410170038 | Cao Trần Phát        | 25/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410170032 | Nguyễn Trần Kỳ Phong | 21/05/2006 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410170051 | Nguyễn Hữu Đức Thịnh | 17/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Mỹ thuật cơ bản - MH1101064

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110106401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Lê Anh Thy Thy

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 16/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410170038 | Cao Trần Phát        | 25/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410170032 | Nguyễn Trần Kỳ Phong | 21/05/2006 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410170051 | Nguyễn Hữu Đức Thịnh | 17/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thiết kế website - MH1101071

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110107101 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Mai Thái Quốc

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 16/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410010039 | Dương Nguyễn Quốc Anh | 08/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 2   | 2410010035 | Trần Nguyễn Phúc Hậu  | 04/11/1995 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 3   | 2410010010 | Lê Ngọc Hương         | 06/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 4   | 2410010028 | Châu Gia Khang        | 29/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 5   | 2410010046 | Nguyễn Trung Kiên     | 13/09/2004 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 6   | 2410010036 | Nguyễn Thành Lợi      | 27/02/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 7   | 2410010032 | Nguyễn Thanh Sang     | 14/08/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 8   | 2210010128 | Nguyễn Quang Thái     | 18/05/2004 |        |       |         |          | C24TH4 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

**Môn học : Thiết kế đồ họa với Adobe illustrator - MH1101075**

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Mã lớp học phần: 24211MH110107501 Số tín chỉ: 4**

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Giảng viên giảng dạy: Lê Anh Thy Thy**

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Ngày thi: 16/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3**

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310120017 | Phạm Duy Bình           | 02/02/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 2   | 2310010072 | Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu | 15/09/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 3   | 2310010089 | Trần Minh Hòa           | 05/06/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 4   | 2310110016 | Âu Dương Quốc Huy       | 04/03/2005 |        |       |         |          | C25TH1 | Nợ LP   |
| 5   | 2310010047 | Nguyễn Nhật Nam         | 27/08/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 6   | 2310010096 | Trần Hồng Ngoan         | 10/03/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 7   | 2310010078 | Trương Bảo Phúc         | 16/10/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 8   | 2310010071 | Võ Chí Tâm              | 16/01/2004 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 9   | 2310010036 | Đặng Việt Thái          | 20/07/2003 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 10  | 2310010031 | Bành Phước Toàn         | 11/02/2004 |        |       |         |          | C25TH1 | Nợ LP   |
| 11  | 2310010095 | Nguyễn Hữu Trí          | 06/10/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 12  | 2310010045 | Phùng Minh Trí          | 27/04/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

**Tổng số sinh viên dự thi :** \_\_\_\_\_ **vắng thi:** \_\_\_\_\_ **Số bài thi/Số tờ:** \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_.

**Số sinh viên đạt:** \_\_\_\_\_ **Tỷ lệ đạt:** \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán rời rạc - MH1101093

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110109301 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410010035 | Trần Nguyễn Phúc Hậu | 04/11/1995 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 2   | 2410010010 | Lê Ngọc Hương        | 06/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 3   | 2410010036 | Nguyễn Thành Lợi     | 27/02/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 4   | 2410010032 | Nguyễn Thanh Sang    | 14/08/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_%

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lập trình PHP - MH1101096

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110109601 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Văn Trinh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310010044 | Đoàn Thanh Tuấn Anh     | 28/05/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 2   | 2310120017 | Phạm Duy Bình           | 02/02/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 3   | 2310010080 | Võ Thành Đạt            | 29/11/2004 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 4   | 2310010055 | Võ Thành Đăng           | 18/05/2003 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 5   | 2310010072 | Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu | 15/09/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 6   | 2310010089 | Trần Minh Hòa           | 05/06/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 7   | 2310110016 | Âu Dương Quốc Huy       | 04/03/2005 |        |       |         |          | C25TH1 | Nợ LP   |
| 8   | 2310010047 | Nguyễn Nhật Nam         | 27/08/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 9   | 2310010078 | Trương Bảo Phúc         | 16/10/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 10  | 2310010031 | Bành Phước Toàn         | 11/02/2004 |        |       |         |          | C25TH1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

**Môn học : Lập trình ASP.NET - MH1101100**

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Mã lớp học phần: 24211MH110110001 Số tín chỉ: 3**

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Giảng viên giảng dạy: Mai Đình Trí**

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3**

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310010044 | Đoàn Thanh Tuấn Anh     | 28/05/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 2   | 2310120017 | Phạm Duy Bình           | 02/02/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 3   | 2310010080 | Võ Thành Đạt            | 29/11/2004 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 4   | 2310010072 | Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu | 15/09/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 5   | 2310010089 | Trần Minh Hòa           | 05/06/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 6   | 2310110016 | Âu Dương Quốc Huy       | 04/03/2005 |        |       |         |          | C25TH1 | Nợ LP   |
| 7   | 2310010047 | Nguyễn Nhật Nam         | 27/08/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 8   | 2310010096 | Trần Hồng Ngoan         | 10/03/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 9   | 2310010078 | Trương Bảo Phúc         | 16/10/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |
| 10  | 2310010042 | Nguyễn Hồng Tài         | 03/06/2005 |        |       |         |          | C25TH2 | Nợ LP   |
| 11  | 2310010031 | Bành Phước Toàn         | 11/02/2004 |        |       |         |          | C25TH1 | Nợ LP   |
| 12  | 2310010095 | Nguyễn Hữu Trí          | 06/10/2005 |        |       |         |          | C25TH3 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

**Tổng số sinh viên dự thi :** \_\_\_\_\_ **vắng thi:** \_\_\_\_\_ **Số bài thi/Số tờ:** \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_.

**Số sinh viên đạt:** \_\_\_\_\_ **Tỷ lệ đạt:** \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Điện tử cơ bản - MH1102031

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110203101 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Châu Lê Sơn

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 16/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: Xưởng DTCB

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp  | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|---------|---------|
| 1   | 2410030023 | Phan Hứa Trọng Ân       | 25/09/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410030018 | Đỗ Thành Đạt            | 07/08/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 3   | 2410030003 | Lâm Vũ Hào              | 26/02/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 4   | 2410030045 | Phạm Đức Huy            | 06/09/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 5   | 2410030011 | Diệp Tấn Hùng           | 26/12/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 6   | 2410030030 | Châu Tuấn Kiệt          | 30/03/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 7   | 2410030044 | Lê Trọng Nghĩa          | 14/09/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 8   | 2410030049 | Trần Quang Nghĩa        | 09/05/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 9   | 2410030047 | Phan Trần Phước Nguyên  | 13/06/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 10  | 2410030029 | Bùi Thịnh Phát          | 03/02/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 11  | 2410030005 | Nguyễn Tấn Phát         | 19/11/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 12  | 2210030007 | Nguyễn Trần Thanh Phong | 11/05/2004 |        |       |         |          | C24DDT  | Nợ LP   |
| 13  | 2410030022 | Trần Duy Tân            | 15/09/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 14  | 2210030011 | Trần Quốc Thắng         | 24/10/2004 |        |       |         |          | C24DDT  | Nợ LP   |
| 15  | 2410030034 | Huỳnh Hữu Thức          | 26/06/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 16  | 2410030019 | Đinh Hoàng Vũ           | 13/10/2006 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Trang bị điện - MH1102038

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110203801

Số tín chỉ: 5

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 16/05/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: Xưởng Trang  
bị điện

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                  | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310030006 | Đỗ Nhật<br>Nguyên          | 29/04/2004 |        |       |         |          | C25DDT | Nợ LP   |
| 2   | 2210030007 | Nguyễn Trần Thanh<br>Phong | 11/05/2004 |        |       |         |          | C24DDT | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Điện khí nén - MH1102042

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110204201 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Châu Lê Sơn

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 16/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: Xưởng DTCB

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên   | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310030021 | Lê Huy Tuấn | 29/12/2005 |        |       |         |          | C25DDT | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị sản xuất - MH1102048

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110204801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Lê Thành Huy

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: A1.5

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên      | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310030006 | Đỗ Nhật Nguyên | 29/04/2004 |        |       |         |          | C25DDT | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguội cơ bản - MH1102131

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110213101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 16/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: Xưởng Nguội

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                   | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410040026 | Nguyễn Hoàng <b>Duy</b>     | 02/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410040035 | Phan Thanh <b>Giàu</b>      | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410040033 | Trần Nguyễn Anh <b>Khoa</b> | 18/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Autocad nâng cao - MH1102135

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110213501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310040074 | Nguyễn Mạnh Hùng  | 20/05/2005 |        |       |         |          | C25CK2 | Nợ LP   |
| 2   | 2310040020 | Cao Hoàng Năng    | 25/03/2005 |        |       |         |          | C25CK1 | Nợ LP   |
| 3   | 2310040034 | Nguyễn Lương Nhân | 06/06/2005 |        |       |         |          | C25CK1 | Nợ LP   |
| 4   | 2310040005 | Võ Tấn Thành      | 12/06/2005 |        |       |         |          | C25CK1 | Nợ LP   |
| 5   | 2310010088 | Trần Phú Thiên    | 22/07/2005 |        |       |         |          | C25CK1 | Nợ LP   |
| 6   | 2310040018 | Nguyễn Minh Tiến  | 23/11/2005 |        |       |         |          | C25CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2210040081 | Nguyễn Kim <b>Đông</b>  | 25/06/2003 |        |       |         |          | C24CK3 | Nợ LP   |
| 2   | 2310040044 | Nguyễn Văn <b>Sang</b>  | 12/03/2005 |        |       |         |          | C25CK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2310040005 | Võ Tấn <b>Thành</b>     | 12/06/2005 |        |       |         |          | C25CK1 | Nợ LP   |
| 4   | 2310040018 | Nguyễn Minh <b>Tiến</b> | 23/11/2005 |        |       |         |          | C25CK2 | Nợ LP   |
| 5   | 2310040053 | Phan Thanh <b>Toàn</b>  | 10/09/2005 |        |       |         |          | C25CK2 | Nợ LP   |
| 6   | 2310040059 | Nguyễn Kim <b>Trà</b>   | 26/01/2005 |        |       |         |          | C25CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh chuyên ngành (CNKT CK) - MH1102147

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110214701 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Nhơn Hải

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên       | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310040029 | Son Pôn Nhia    | 04/01/2004 |        |       |         |          | C25CK1 | Nợ LP   |
| 2   | 2310040053 | Phan Thanh Toàn | 10/09/2005 |        |       |         |          | C25CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : An toàn lao động - MH1102151

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110215101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410040052 | Nguyễn Quốc Bình     | 05/02/2004 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410040026 | Nguyễn Hoàng Duy     | 02/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 3   | 2410040035 | Phan Thanh Giàu      | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 4   | 2410040033 | Trần Nguyễn Anh Khoa | 18/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 5   | 2410040029 | Trần Minh Luân       | 28/02/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 6   | 2410040002 | Huỳnh Duy Phương     | 01/10/2000 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110403601 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310100080 | Đặng Trần Hoàng Phước | 12/11/1999 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |
| 2   | 2410150019 | Nguyễn Hữu Trí        | 30/07/2006 |        |       |         |          | C26LG1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110403602 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410150055 | Nguyễn Trần Minh Tân | 05/06/2005 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410150040 | Bùi Minh Thông       | 01/09/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110403901 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410100038 | Chung Lê Quốc Hy      | 24/01/2006 |        |       |         |          | C26QT2 | Nợ LP   |
| 2   | 2310100080 | Đặng Trần Hoàng Phước | 12/11/1999 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị chiến lược - MH1104044

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110404401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Lê Hà Thanh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                      | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310100089 | Nguyễn Huỳnh Ngọc <b>Duy</b>   | 16/05/2005 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |
| 2   | 2110100045 | Tôn Nữ Minh <b>Hạ</b>          | 12/11/2003 |        |       |         |          | C23QT2 | Nợ LP   |
| 3   | 2310100045 | Huỳnh Ngọc Khánh <b>Linh</b>   | 16/11/2005 |        |       |         |          | C25QT2 | Nợ LP   |
| 4   | 2310100055 | Nguyễn Ngọc Phương <b>Linh</b> | 27/07/2005 |        |       |         |          | C25QT2 | Nợ LP   |
| 5   | 2310100080 | Đặng Trần Hoàng <b>Phước</b>   | 12/11/1999 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_%

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị tài chính - MH1104045

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110404501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310100089 | Nguyễn Huỳnh Ngọc Duy   | 16/05/2005 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |
| 2   | 2110100045 | Tôn Nữ Minh Hạ          | 12/11/2003 |        |       |         |          | C23QT2 | Nợ LP   |
| 3   | 2310100045 | Huỳnh Ngọc Khánh Linh   | 16/11/2005 |        |       |         |          | C25QT2 | Nợ LP   |
| 4   | 2310100055 | Nguyễn Ngọc Phương Linh | 27/07/2005 |        |       |         |          | C25QT2 | Nợ LP   |
| 5   | 2310100027 | Phùng Yến Linh          | 29/08/2002 |        |       |         |          | C25QT1 | Nợ LP   |
| 6   | 2310100080 | Đặng Trần Hoàng Phước   | 12/11/1999 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : **Thẩm định tín dụng - MH1104216**

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: **24211MH110421601** Số tín chỉ: **3**

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: **Nguyễn Thị Hồng Hà**

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: **13/05/2025** Giờ thi: **15h15** Phòng thi: **A1.5**

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2210120038 | Nguyễn Phúc Thông | 09/08/2003 |        |       |         |          | C24TC2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Vận tải và giao nhận hàng hóa - MH1104238

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110423801 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Lê Đức Thuận

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: A1.5

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên              | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310160011 | Huỳnh Thảo Chi         | 05/04/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |
| 2   | 2310160034 | Nguyễn Kiều Quốc Cường | 06/02/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |
| 3   | 2310150031 | Nguyễn Phước Danh      | 31/05/2005 |        |       |         |          | C25LG1 | Nợ LP   |
| 4   | 2310160006 | Hồ Thị Mỹ Hạnh         | 19/04/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |
| 5   | 2310150007 | Nguyễn Minh Huy        | 15/09/2004 |        |       |         |          | C25LG1 | Nợ LP   |
| 6   | 2310150008 | Võ Phan Hạnh Nguyên    | 26/07/2002 |        |       |         |          | C25LG1 | Nợ LP   |
| 7   | 2310160010 | Huỳnh Xuân Nhi         | 12/03/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |
| 8   | 2310150020 | Thạch Phương Nhi       | 01/04/2005 |        |       |         |          | C25LG1 | Nợ LP   |
| 9   | 2310150039 | Trần Hữu Quý           | 24/04/2005 |        |       |         |          | C25LG2 | Nợ LP   |
| 10  | 2310160021 | Đinh Như Thiện         | 27/06/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |
| 11  | 2310160012 | Lê Thị Thúy Vy         | 10/03/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ họa - MH1104262

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110426201 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trương Bá Vĩnh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên  | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310160024 | Trần Lê Vy | 21/07/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị bán hàng - MH1104271

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110427101 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phạm Nguyễn Đáng Huyền

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310100089 | Nguyễn Huỳnh Ngọc Duy   | 16/05/2005 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |
| 2   | 2110100045 | Tôn Nữ Minh Hạ          | 12/11/2003 |        |       |         |          | C23QT2 | Nợ LP   |
| 3   | 2310100045 | Huỳnh Ngọc Khánh Linh   | 16/11/2005 |        |       |         |          | C25QT2 | Nợ LP   |
| 4   | 2310100055 | Nguyễn Ngọc Phương Linh | 27/07/2005 |        |       |         |          | C25QT2 | Nợ LP   |
| 5   | 2310100067 | Huỳnh Bạch Kiều Nga     | 29/11/2005 |        |       |         |          | C25QT2 | Nợ LP   |
| 6   | 2310100080 | Đặng Trần Hoàng Phước   | 12/11/1999 |        |       |         |          | C25QT3 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110429503 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên   | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410110013 | Võ Triều Vi | 06/10/2004 |        |       |         |          | C26KT  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110429501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên        | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410100038 | Chung Lê Quốc Hy | 24/01/2006 |        |       |         |          | C26QT2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410100030 | Trần Viết Phú    | 03/12/2004 |        |       |         |          | C26QT1 | Nợ LP   |
| 3   | 2410150019 | Nguyễn Hữu Trí   | 30/07/2006 |        |       |         |          | C26LG1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429502

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 12/05/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                 | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410160050 | Nguyễn Thị Lệ <b>Hồng</b> | 22/11/2004 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410150050 | Phan Yến <b>Nhi</b>       | 20/12/2005 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410150040 | Bùi Minh <b>Thông</b>     | 01/09/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |
| 4   | 2410150048 | Nguyễn Ngọc <b>Tuấn</b>   | 26/12/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |
| 5   | 2310160024 | Trần Lê <b>Vy</b>         | 21/07/2005 |        |       |         |          | C25TM  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp thương mại - MH1104299

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110429901 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310110030 | Ngô Thị Thảo<br>Ngọc | 18/01/2005 |        |       |         |          | C25KT2 | Nợ LP   |
| 2   | 2310110020 | Đinh Thị Xuân<br>Thư | 17/02/2005 |        |       |         |          | C25KT1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

**Môn học : Teaching Methodology - MH1105020**

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Mã lớp học phần: 24211MH110502001 Số tín chỉ: 3**

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh**

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

**Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: A1.5**

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310130008 | Lê Huỳnh Gia <b>Bảo</b> | 11/08/2005 |        |       |         |          | C25TA  | Nợ LP   |
| 2   | 2310130005 | Võ Thị Yến <b>Nhận</b>  | 06/1/2005  |        |       |         |          | C25TA  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

**Tổng số sinh viên dự thi :** \_\_\_\_\_ **vắng thi:** \_\_\_\_\_ **Số bài thi/Số tờ:** \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_.

**Số sinh viên đạt:** \_\_\_\_\_ **Tỷ lệ đạt:** \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110502401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên       | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410130031 | Lâm Quốc Huy    | 24/05/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 2   | 2410130029 | Lê Hoàng Nguyên | 11/01/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 3   | 2410130008 | Trần Thiên Phú  | 08/10/2004 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Reading 1 - MH1105030

Mã lớp học phần: 24211MH110503001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410130031 | Lâm Quốc Huy          | 24/05/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 2   | 2410130029 | Lê Hoàng Nguyên       | 11/01/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 3   | 2410130008 | Trần Thiên Phú        | 08/10/2004 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 4   | 2410130026 | Nguyễn Ngọc Kim Phụng | 26/08/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 5   | 2410130002 | Trịnh Nam Thuận       | 08/3/2003  |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_%

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Writing 2 - MH1105033

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110503301 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 14/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: A1.5

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên        | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310130008 | Lê Huỳnh Gia Bảo | 11/08/2005 |        |       |         |          | C25TA  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Translating 1 - MH1105034

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110503401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: A1.5

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                    | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310130008 | Lê Huỳnh Gia <b>Bảo</b>      | 11/08/2005 |        |       |         |          | C25TA  | Nợ LP   |
| 2   | 2310130017 | Nguyễn Thị Xuân <b>Hương</b> | 31/01/2004 |        |       |         |          | C25TA  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : English Skills in Business 1 - MH1105048

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110504801 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên              | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------------|-----------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2310130005 | Võ Thị Yến <b>Nhận</b> | 06/1/2005 |        |       |         |          | C25TA  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110901609 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Dương Minh Tâm

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên    | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|--------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410130031 | Lâm Quốc Huy | 24/05/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110901611 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên      | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410150019 | Nguyễn Hữu Trí | 30/07/2006 |        |       |         |          | C26LG1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110901605 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên          | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410160044 | Nguyễn Huy Hoàng   | 15/12/2005 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410160050 | Nguyễn Thị Lê Hồng | 22/11/2004 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110901603 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Kham Sang

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên      | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp  | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|------------|--------|-------|---------|----------|---------|---------|
| 1   | 2410030010 | Nguyễn Duy Đạt | 05/03/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410030035 | Chê Hoàng Hiệp | 13/05/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410030011 | Diệp Tấn Hùng  | 26/12/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110901607 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Dương Minh Tâm

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410130022 | Tô Hồng Trí Nhân      | 22/07/2002 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 2   | 2410130026 | Nguyễn Ngọc Kim Phụng | 26/08/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 3   | 2410150053 | Lâm Bảo Trọng         | 15/05/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110901601 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Văn Trinh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410040026 | Nguyễn Hoàng Duy     | 02/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410040035 | Phan Thanh Giàu      | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410040033 | Trần Nguyễn Anh Khoa | 18/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902103 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2210010128 | Nguyễn Quang Thái | 18/05/2004 |        |       |         |          | C24TH4 | Nợ LP   |
| 2   | 2410150019 | Nguyễn Hữu Trí    | 30/07/2006 |        |       |         |          | C26LG1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902104 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thị Trinh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                 | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410160050 | Nguyễn Thị Lệ <b>Hồng</b> | 22/11/2004 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410150040 | Bùi Minh <b>Thông</b>     | 01/09/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410150048 | Nguyễn Ngọc <b>Tuấn</b>   | 26/12/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902101 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Hồ Thị Trinh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410010035 | Trần Nguyễn Phúc Hậu | 04/11/1995 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 2   | 2410010010 | Lê Ngọc Hương        | 06/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 3   | 2410010026 | Phạm Nguyễn Khang    | 26/07/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 4   | 2410010046 | Nguyễn Trung Kiên    | 13/09/2004 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 5   | 2410010036 | Nguyễn Thành Lợi     | 27/02/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 6   | 2410170038 | Cao Trần Phát        | 25/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 7   | 2410170032 | Nguyễn Trần Kỳ Phong | 21/05/2006 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 8   | 2410010032 | Nguyễn Thanh Sang    | 14/08/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 9   | 2410170051 | Nguyễn Hữu Đức Thịnh | 17/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902201 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410040026 | Nguyễn Hoàng Duy     | 02/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410040035 | Phan Thanh Giàu      | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410040033 | Trần Nguyễn Anh Khoa | 18/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Pháp luật - MH1109022

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902202 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Mai Lan Phương

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 13/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp  | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|-------|---------|----------|---------|---------|
| 1   | 2410030010 | Nguyễn Duy Đạt    | 05/03/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410130031 | Lâm Quốc Huy      | 24/05/2006 |        |       |         |          | C26TA   | Nợ LP   |
| 3   | 2410030051 | Lê Duy Hưng       | 21/04/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 4   | 2210010128 | Nguyễn Quang Thái | 18/05/2004 |        |       |         |          | C24TH4  | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_%

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109024

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902403 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi:

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2210010128 | Nguyễn Quang Thái | 18/05/2004 |        |       |         |          | C24TH4 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109024

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902402 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi:

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên        | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410130031 | Lâm Quốc Huy     | 24/05/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 2   | 2410130029 | Lê Hoàng Nguyên  | 11/01/2006 |        |       |         |          | C26TA  | Nợ LP   |
| 3   | 2410150048 | Nguyễn Ngọc Tuấn | 26/12/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109024

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902401 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi:

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410010005 | Trần Phúc Anh        | 27/02/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 2   | 2410010035 | Trần Nguyễn Phúc Hậu | 04/11/1995 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 3   | 2410160050 | Nguyễn Thị Lê Hồng   | 22/11/2004 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |
| 4   | 2410010046 | Nguyễn Trung Kiên    | 13/09/2004 |        |       |         |          | C26TH  |         |
| 5   | 2410010036 | Nguyễn Thành Lợi     | 27/02/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 6   | 2410170038 | Cao Trần Phát        | 25/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 7   | 2410170032 | Nguyễn Trần Kỳ Phong | 21/05/2006 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 8   | 2410010032 | Nguyễn Thanh Sang    | 14/08/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 9   | 2410170051 | Nguyễn Hữu Đức Thịnh | 17/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109024

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902404 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Văn Duyệt

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 15/05/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi:

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410040052 | Nguyễn Quốc Bình     | 05/02/2004 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410040026 | Nguyễn Hoàng Duy     | 02/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 3   | 2410040035 | Phan Thanh Giàu      | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 4   | 2410040054 | Phạm Minh Hiếu       | 16/10/2004 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 5   | 2410040031 | Lê Gia Huy           | 15/03/2005 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 6   | 2410040033 | Trần Nguyễn Anh Khoa | 18/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 7   | 2410150019 | Nguyễn Hữu Trí       | 30/07/2006 |        |       |         |          | C26LG1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902702 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410100008 | Nguyễn Trần Ngọc Thi | 23/06/2002 |        |       |         |          | C26QT1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902703 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Toàn

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên         | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2210010128 | Nguyễn Quang Thái | 18/05/2004 |        |       |         |          | C24TH4 | Nợ LP   |
| 2   | 2410150019 | Nguyễn Hữu Trí    | 30/07/2006 |        |       |         |          | C26LG1 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902705 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                   | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410040026 | Nguyễn Hoàng <b>Duy</b>     | 02/07/2006 |        |       |         |          | C26CK1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410040035 | Phan Thanh <b>Giàu</b>      | 30/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410040033 | Trần Nguyễn Anh <b>Khoa</b> | 18/01/2006 |        |       |         |          | C26CK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902704 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Chu Thế Lê Hoàng

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên                 | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410160050 | Nguyễn Thị Lệ <b>Hồng</b> | 22/11/2004 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |
| 2   | 2410160032 | Đỗ Nhật <b>Huy</b>        | 06/04/2005 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |
| 3   | 2410150040 | Bùi Minh <b>Thông</b>     | 01/09/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |
| 4   | 2410160034 | Nguyễn Hoàng <b>Thông</b> | 01/02/2006 |        |       |         |          | C26TM2 | Nợ LP   |
| 5   | 2410150053 | Lâm Bảo <b>Trọng</b>      | 15/05/2006 |        |       |         |          | C26LG2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902706 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên       | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp  | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|------------|--------|-------|---------|----------|---------|---------|
| 1   | 2410030010 | Nguyễn Duy Đạt  | 05/03/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 2   | 2410130031 | Lâm Quốc Huy    | 24/05/2006 |        |       |         |          | C26TA   | Nợ LP   |
| 3   | 2410030011 | Diệp Tấn Hùng   | 26/12/2005 |        |       |         |          | C26DDT1 | Nợ LP   |
| 4   | 2410030044 | Lê Trọng Nghĩa  | 14/09/2006 |        |       |         |          | C26DDT2 | Nợ LP   |
| 5   | 2410130029 | Lê Hoàng Nguyên | 11/01/2006 |        |       |         |          | C26TA   | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_%

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC - LẦN 2**

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109027

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Mã lớp học phần: 24211MH110902701 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giảng viên giảng dạy: Trần Bình Dương

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 12/05/2025 Giờ thi: 13h30 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410010035 | Trần Nguyễn Phúc Hậu | 04/11/1995 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 2   | 2410010010 | Lê Ngọc Hương        | 06/06/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 3   | 2410010036 | Nguyễn Thành Lợi     | 27/02/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 4   | 2410170038 | Cao Trần Phát        | 25/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 5   | 2410170032 | Nguyễn Trần Kỳ Phong | 21/05/2006 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |
| 6   | 2410010032 | Nguyễn Thanh Sang    | 14/08/2006 |        |       |         |          | C26TH  | Nợ LP   |
| 7   | 2410170051 | Nguyễn Hữu Đức Thịnh | 17/03/2005 |        |       |         |          | C26TK2 | Nợ LP   |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : \_\_\_\_\_ vắng thi: \_\_\_\_\_ . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày.....tháng.....năm.....

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)